

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung và bà Đỗ Phương Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lương Dương Tùng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thái Thị Mai N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay đang ở Hàn Quốc (có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Thái Thị Mai N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc cùng gia đình của anh T tại xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2020, anh chị đã ra ở riêng tại thành phố T. Đến tháng 7 năm 2023, anh T đi làm việc tại Hàn Quốc, từ đó tới nay, anh chị đã sống ly thân. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Phạm Hoàng N1, sinh ngày 09/7/2016; Phạm Minh K, sinh ngày 29/3/2018; Phạm Hoàng D, sinh ngày

28/7/2022. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh Phạm Ngọc T ở Hàn Quốc nên Tòa án tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành lập biên bản làm việc thông qua thân nhân của anh T. Tại biên bản làm việc ngày 27/5/2025, giữa Tòa án và bà Lê Thị M, sinh năm 1958, là mẹ đẻ của anh T xác định được: *“Anh T là con ruột của bà M, hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Bà thường xuyên liên hệ với anh T qua điện thoại để trao đổi thông tin nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Hàn Quốc nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh T đã biết việc chị N xin ly hôn anh thông qua gia đình bà. Anh nhất trí ly hôn với chị N.*

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Phạm Hoàng N1, sinh ngày 09/7/2016; Phạm Minh K, sinh ngày 29/3/2018; Phạm Hoàng D, sinh ngày 28/7/2022 như chị N khai là đúng. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị N và bố mẹ đẻ của anh. Anh đồng ý giao các con chung cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, anh chị tự thỏa thuận”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực đúng các quy định của pháp luật; Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Mai N, cho chị N được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng N1, sinh ngày 09/7/2016; cháu Phạm Minh K, sinh ngày 29/3/2018; cháu Phạm Hoàng D, sinh ngày 28/7/2022 cho chị Thái Thị Mai N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị N chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và anh chị N, T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Thái Thị Mai N là nguyên đơn và anh Phạm Ngọc T có nơi đăng ký thường trú tại xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh Phạm Ngọc T hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Theo công văn số 1274/PQLNXC(Đ1) ngày 17/4/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh T xác định anh Phạm Ngọc T đã được cấp hộ chiếu và đã xuất cảnh ngày 27/7/2023 qua cửa khẩu N2, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do vậy, căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm

phán, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được.

[3]. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T mặc dù không có văn bản thể hiện quan điểm của mình gửi về cho Tòa án, nhưng qua lời khai của chị N và thông qua thân nhân của anh T, có đủ căn cứ xác định anh T vẫn liên hệ với gia đình, nhưng gia đình cũng không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Hàn Quốc cho Tòa án, qua đó anh T có ý kiến xin xét xử vắng mặt anh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Hôn nhân giữa chị Thái Thị Mai N và anh Phạm Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Năm 2023 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, anh chị sống ly thân từ đó tới nay. Thông qua thân thân xác định được việc anh T cũng nhất trí ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

[5]. Về con chung: Chị N và anh T có 03 con chung là Phạm Hoàng N1, sinh ngày 09/7/2016; Phạm Minh K, sinh ngày 29/3/2018; Phạm Hoàng D, sinh ngày 28/7/2022. Hiện nay các cháu đang ở với chị N và bố mẹ đẻ của anh T tại xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Cả hai anh chị đều nhất trí giao các con chung cho chị N nuôi dưỡng. Ngoài ra cháu N1 và cháu K đều có nguyện vọng được ở với chị N. Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung khi cha mẹ ly hôn, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[6]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị N không yêu cầu.

Các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9]. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Mai N, cho chị N được ly hôn anh Phạm Ngọc T là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147, 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Mai N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thái Thị Mai N được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hoàng N1, sinh ngày 09/7/2016; Phạm Minh K, sinh ngày 29/3/2018; Phạm Hoàng D, sinh ngày 28/7/2022 cho chị Thái Thị Mai N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Ngọc T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị N không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thái Thị Mai N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 1 ngày 14/5/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

6. Về kháng cáo: Chị Thái Thị Mai N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh;

- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;

- UBND xã Tân Cương;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

- **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Quế

